

Mạng lưới xã hội trong trồng trọt và chăn nuôi của người Lô Lô tỉnh Cao Bằng

Lý Hành Sơn¹, Lê Minh Anh²

^{1,2} Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hmongdao@yahoo.com.vn

Nhận ngày 23 tháng 6 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 31 tháng 7 năm 2020.

Tóm tắt: Dân tộc Lô Lô ở tỉnh Cao Bằng hiện nay có 674 hộ với 3.472 người, cư trú chủ yếu ở hai huyện biên giới là Bảo Lạc và Bảo Lâm. Diện tích đất nông nghiệp rất ít, có khoảng 246,5ha, bình quân 750m²/người, chủ yếu đất nương rẫy. Vì vậy, người Lô Lô nơi đây đang tận dụng các mạng lưới xã hội từ truyền thống đến hiện đại để phát triển trồng trọt và chăn nuôi theo xu hướng đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, kết hợp mở rộng nhiều hình thức trao đổi mua bán khác nhau. Nhờ đó, mạng lưới xã hội trở thành nguồn lực thiết yếu, tạo điều kiện phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp, nhất là hoạt động du lịch và lao động làm thuê.

Từ khóa: Mạng lưới xã hội, trồng trọt, chăn nuôi, người Lô Lô.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: There are currently 3,472 Lo Lo ethnic people in Cao Bang Province, living in 674 households, mostly in the two border districts of Bao Lac and Bao Lam. They have very little land of agricultural production (only approx. 246.5ha, or 750m² per person), most of which is shifting cultivation areas. Therefore, the Lo Lo there are taking advantage of their social networks, both in traditional and modern forms, to develop cultivation and animal husbandry in the trend of renovating the crop and livestock structure combined with various forms of trading and exchange. Since then, the networks have become essential resources, helping to facilitate the development of non-agricultural occupations, especially tourism and hired labour.

Keywords: Social network, cultivation, animal husbandry, the Lo Lo.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu

Qua khảo sát tại huyện Bảo Lạc nơi vùng cao biên giới tỉnh Cao Bằng cho thấy, các tộc người Nùng, Dao... đặc biệt là người Lô Lô hiện nay vẫn chủ yếu sản xuất nông nghiệp bằng việc trồng trọt kết hợp chăn nuôi, trong đó trồng trọt trên nương rẫy đóng vai trò chính. Cụ thể, diện tích đất trồng lúa có 53,1ha, chiếm 21,5%; diện tích nương rẫy là 193,4ha, chiếm 79,5%. Do lâu đời sinh sống ở khu vực đồi núi cao, hiểm đất và nước tưới để mở rộng diện tích ruộng nước, nên hiện nay người Lô Lô nơi đây vẫn chủ yếu làm nương trồng ngô, lúa, các loại hoa màu, cây ăn trái... song lại thuộc vùng có độ dốc cao trên 18⁰, nên thường xuyên bị xói mòn hàng năm, làm cho đất canh tác nhanh bạc màu, nghèo kiệt về dinh dưỡng [1].

Tuy vậy, mạng lưới xã hội trong phát triển kinh tế vốn tồn tại trước đây và hiện nay của người Lô Lô ở tỉnh Cao Bằng lại khá đa dạng, thể hiện rõ nét ở hầu hết các khâu trong sản xuất nông nghiệp cũng như chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm. Trên cơ sở một số các công trình đã công bố và tư liệu điền dã dân tộc học của chúng tôi vào tháng 10/2019, bài viết này² phân tích thực trạng mạng lưới xã hội trong trồng trọt và chăn nuôi; trong mua bán sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi của người Lô Lô ở huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; một số vấn đề đặt ra và giải pháp. Về khái niệm, theo một số nhà nghiên cứu, mạng lưới xã hội bao gồm tập hợp các đối tượng và sự miêu tả mối quan hệ giữa các đối tượng đó. Vì vậy, hiểu biết về quan hệ giữa một cá nhân đối với người khác thì có thể đánh giá được vốn xã hội của cá nhân ấy [3, tr.49].

2. Mạng lưới xã hội trong hoạt động trồng trọt và chăn nuôi

2.1. Mạng lưới xã hội trong hoạt động trồng trọt

Mạng lưới xã hội về giống cây trồng.

Đối với những người nông dân lấy trồng trọt làm đầu mối sản xuất chính, giống cây trồng gồm nhiều loại có hạt, cây con... luôn phải chuẩn bị trước. Để có đủ giống cây cho nhu cầu gieo trồng trong năm của gia đình, người Lô Lô trước kia và gần đây vẫn giữ tập quán tự bảo quản hạt giống. Nếu cảm thấy thiếu giống, họ tranh thủ vay mượn của hàng xóm hoặc nhờ họ hàng trợ giúp, thậm chí tìm mua ở tộc người khác. Vì vậy, theo truyền thống, mạng lưới xã hội giúp đảm bảo đủ giống cây trồng hàng năm chủ yếu dựa vào tri thức chọn giống và giữ gìn giống cây của mỗi gia đình, do cá nhân có kinh nghiệm trong gia đình thực hiện. Đó là việc tự bảo quản, duy trì các loại giống truyền thống như lúa nương, ngô, khoai, rau, củ, quả, vừng, đỗ... cũng như nhiều loại giống khác gồm bông, chàm, gia vị. Nếu gia đình không tự đáp ứng được giống cây nào đó hoặc cần loại giống mới mà trong huyện có người đang gieo trồng thì đại diện gia đình sẽ thông qua hàng xóm, người quen để nắm bắt tình hình cụ thể những nhà đang có giống. Sau đó, đại diện gia đình sẽ đến tận nhà đang sở hữu giống để trao đổi, vay mượn hoặc mua. Theo tập quán của đồng bào, nếu thuộc giống cây trồng chính, gia đình cần giống mới ít khi đi xin, mà phải trao đổi hoặc mượn tạm đủ số lượng mang về gieo trồng, khi cho thu hoạch thì đem trả với số lượng đôi ra một chút, gọi là cảm ơn nhà đã cho vay giống.

Đây là mạng lưới xã hội truyền thống rất quan trọng, nên hiện nay vẫn được người Lô Lô ở huyện Bảo Lạc duy trì. Nhờ có mạng lưới này, người dân vẫn tiếp tục gieo trồng một số giống cây mà ở địa phương đã có cách nay rất lâu. Từ kết quả thảo luận nhóm tại xóm Ngâm Lôm, xã Cô Ba vào tháng 10/2019 cho thấy, việc người Lô Lô trước đây kiếm được một loại giống mới ở ngoài địa bàn huyện đều chủ yếu thông qua người quen hoặc tình cờ bắt gặp giống cây đó, rồi họ mua giống mang về trồng thử, nếu giống cây thuộc loại quả có hạt thì xin vài quả về ăn để lấy hạt trồng. Mạng lưới này thể hiện rõ mỗi khi sang Trung Quốc thăm người thân, người Lô Lô thường để ý nếu thấy một loại cây hoặc lúa nương, lúa ruộng dễ trồng, ăn ngon... thì xin một ít giống mang về trồng thử.

Riêng các loại giống mới được gieo trồng phổ biến gần đây, chẳng hạn như lúa ruộng thuộc các giống lai cho năng suất cao với thời gian sinh trưởng ngắn ngày, sản cao sản, ngô lai, cây dâu để nuôi tằm... thì người Lô Lô được tiếp cận và áp dụng vào sản xuất thông qua một số mạng xã hội mới. Cụ thể là mạng lưới thông tin theo kênh chính sách dân tộc của Nhà nước, do chính quyền địa phương trực tiếp giới thiệu, cung cấp giống cho các hộ gia đình thông qua lãnh đạo thôn/ bản. Thậm chí, đại diện gia đình người Lô Lô cũng có thể tự nắm bắt được các thông tin về một loại cây trồng mới thông qua các kênh truyền thông, báo, đài của Nhà nước hoặc từ bạn bè, nhất là qua mạng lưới khuyến nông khuyến lâm của huyện, xã, thị trấn...

Riêng những giống cây không phải do lãnh đạo xã, doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp thì đại diện gia đình tự tìm hiểu và quyết định lấy giống về trồng thông qua bạn

bè, người từ nơi khác đến bản giới thiệu. Chẳng hạn như trường hợp người Lô Lô ở các xã Hồng Trị, Kim Cúc, Cô Ba thuộc huyện Bảo Lạc tự tìm kiếm những giống cây mới từ bên Trung Quốc hoặc từ người dân trong vùng. Tiêu biểu là cây sản cao sản được hầu hết các gia đình Lô Lô ở xã Hồng Trị đưa vào trồng với diện tích tăng dần từ năm 2017 đến nay để bán ra thị trường. Một số giống cây khác đang được người dân trồng nhiều để bán như chuối, cây dâu nuôi tằm, sa mộc, xa nhân... cũng chủ yếu thông qua mạng lưới cá nhân, khi đại diện gia đình trong bản nắm bắt được thì xin giống về trồng, sau đó nhân rộng ra cho nhiều hộ cùng trồng.

Có thể thấy, việc phát triển những giống cây mới ở vùng người Lô Lô tỉnh Cao Bằng thường diễn ra tự phát, tăng giảm diện tích gieo trồng tùy theo điều kiện từng gia đình, dẫn đến giá bán bấp bênh. Song, do đồng bào hiện nay vẫn trồng nhiều giống cây, nếu sản phẩm cây này mất giá thì còn cây khác. Chẳng hạn như gia đình một người Lô Lô ở xã Cô Ba huyện Bảo Lạc, trong năm 2018 - 2019, ngoài gieo cấy lúa ruộng khoảng 4kg giống mới loại 838, ngô trồng khoảng 17kg vừa giống cũ vừa giống mới loại 989, sản cao sản có hơn 600 gốc thì gia đình này còn trồng thêm cây quế khoảng 1.000 cây, cây dâu sỡ khoảng 400 cây, sa mộc 4.000 cây đã trồng cách nay 5-6 năm. Theo người dân nơi đây cho biết, việc này do tác động của mạng xã hội từ phía chính quyền địa phương, rút kinh nghiệm từ sản xuất độc canh cây lúa, ngô và hoa màu trong thời gian qua; đặc biệt là do đồng bào tiếp thu từ người thân, bạn bè ở bên Trung Quốc nhằm ứng phó với những biến động giá cả thị trường. Do đó, hiện nay người dân thường phát triển đa dạng nhiều loại cây

trồng theo dạng lầy ngắn nuôi dài, tức vừa phát triển những cây ngắn ngày cho thu hoạch trong năm, vừa mở rộng diện tích trồng những cây công nghiệp dài ngày.

Mạng lưới xã hội về vốn đầu tư.

Theo ý kiến một số người Lô Lô tham gia thảo luận nhóm vào tháng 10/2019, đến nay vốn đầu tư sản xuất nông nghiệp vẫn do mỗi gia đình tự lo, bởi từ lâu đồng bào có tập quán tự sản tự tiêu. Những năm trước đây, mọi thứ liên quan tới sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã hoặc các hộ gia đình đều tự túc, nên không cần nhiều vốn đầu tư. Do đất canh tác luôn sẵn có các loại, hạt giống đều tự chọn mỗi khi thu hoạch và phải bảo quản từ vụ mùa trước; các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc... đến thu hoạch chỉ cần bỏ công sức là có sản phẩm. Gần đây, khi người dân gieo trồng nhiều loại giống mới tuy cho năng suất cao, cây sinh trưởng ngắn ngày, nhưng cần cải tạo đất, bón nhiều phân, phun thuốc trừ sâu... nên rất cần vốn đầu tư. Đặc biệt, phong trào sử dụng máy cày bừa, máy tuốt lúa, xe máy hoặc xe công nông để vận chuyển nông sản, mua thêm đất sản xuất... càng phải cần nhiều vốn. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc phát sinh, phát triển những mối quan hệ, các mạng xã hội liên quan tới việc tìm kiếm và cho vay vốn đầu tư sản xuất.

Một trong những mạng lưới phổ biến ở nhiều địa phương miền núi cũng như các địa bàn được khảo sát thuộc tỉnh Cao Bằng là việc Nhà nước hỗ trợ, cho vay vốn sản xuất với lãi suất thấp thông qua ngân hàng. Qua kết quả thảo luận nhóm tại xóm Cốc Sả dưới, xã Hồng Trị đã cho thấy, tháng 10/2019 cả xóm có 29 hộ/ 60 hộ người Lô Lô, chiếm gần 50% tổng số hộ đang vay

vốn tại ngân hàng chính sách, dưới sự tư vấn, giám sát của một tổ chức gọi là tổ vay vốn ngân hàng, bao gồm tổ trưởng, tổ phó, thư ký là những người có trách nhiệm chính đều ở trong xóm. Tổ vay vốn được thành lập từ năm 2004, với thành viên là những gia đình có quan hệ vay vốn ở ngân hàng để đầu tư trồng cây lâu năm, mua bò cái về nuôi cho sinh sản, mua nông cụ... Hộ nào nếu vay vốn ngân hàng đến thời hạn đã trả hết lãi và gốc thì ra khỏi tổ vay vốn. Những hộ khác nếu có nhu cầu vay vốn thì làm đơn xin và sẽ là thành viên của tổ vay vốn khi được lãnh đạo tổ vay vốn, lãnh đạo xã xét duyệt cho vay vốn ở ngân hàng chính sách. Theo báo cáo của lãnh đạo xóm Cốc Sả dưới, từ năm 2004 đến 2018, trong xóm có rất nhiều gia đình Lô Lô vay vốn ở ngân hàng và đến kỳ hạn phải trả, các gia đình đó đều trả được hết cả lãi và gốc. Để có được vậy, một mặt do người Lô Lô, nhất là những gia đình cùng dòng họ có mạng lưới tương trợ nhau: khi gia đình có công việc hệ trọng, nợ nần vì làm ăn mà đến hạn phải trả nhưng chưa đủ tiền thì đi mượn tạm của người họ hàng, bạn thân mỗi người một ít. Mặt khác, nếu gia đình có điều kiện, trước khi đến kỳ phải trả gốc và lãi cho ngân hàng thì có thể đem bán nông sản hoặc gia súc. Thông qua giới thiệu việc làm của người quen, gần đây, những người có sức lao động (chủ yếu là nam nữ thanh niên, trung niên) thường đi làm thuê kiếm tiền ở bên Trung Quốc để đến thời hạn sẽ đem tiền về để trả ngân hàng. Đây cũng là mạng lưới xã hội rất quan trọng, bởi vì thông qua họ hàng, xóm giềng, bạn bè ở bên này hoặc bên kia biên giới có thể giúp người Lô Lô giải quyết được phần nào những khó khăn về vốn đầu tư sản xuất.

Mạng lưới xã hội về tiếp cận kinh nghiệm và kỹ thuật sản xuất.

Trong các khâu trồng trọt của người Lô Lô, mạng lưới xã hội tuy ở nhiều mức độ nhưng luôn được thể hiện rõ nét. Trong đó, nổi bật là việc tích lũy và phát huy những kinh nghiệm do cha ông truyền lại khi gieo trồng các loại giống truyền thống, tập quán tương trợ, đặc biệt là thói quen đổi công cho nhau khi thực hiện một số khâu trong trồng trọt như làm đất, gieo cấy lúa, trồng ngô hoặc sắn, làm cỏ cho cây trồng, thu hoạch... Nếu gia đình ông A mong muốn nhiều nhân lực đến trợ giúp thì chỉ cần báo cho các gia đình trong bản biết, rồi mọi người sẽ tự kéo đến làm việc; khi gia đình khác có việc tương tự thì gia đình ông A lại cử người đi làm giúp với số lượng bằng số người mà gia đình đó đã đến giúp nhà mình. Đây là mạng lưới mang tính liên kết cộng đồng thôn/ bản và anh em họ hàng, đã tồn tại lâu đời nhưng nay vẫn duy trì và phát huy hiệu quả trong một số khâu sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình. Nhờ có mạng lưới tương trợ này, các công việc gieo trồng, thu hoạch, vận chuyển sản phẩm... của mỗi gia đình trong bản luôn được thực hiện nhanh chóng, kịp thời vụ, phòng tránh những tác động không thuận lợi của thời tiết.

Bên cạnh đó, việc nâng cao kỹ năng hiểu biết và áp dụng những kỹ thuật tiên tiến khi gieo trồng các giống cây mới do Nhà nước hỗ trợ thường được các cá nhân và đại diện gia đình tiếp thu kết hợp thực hành thông qua mạng lưới chính thống của Nhà nước. Chẳng hạn, trước khi trồng một loại cây mới, người dân được nghe phổ biến kiến thức, kỹ thuật làm đất, gieo trồng, chăm sóc... thông qua các lớp tập huấn tại địa

phương, nhất là được bộ phận khuyến nông ở xã đến tận bản hướng dẫn, cầm tay chỉ việc... Kết quả phỏng vấn và thảo luận nhóm vào tháng 10/2019 cho thấy, ở một số bản Lô Lô đã có trường hợp áp dụng thí điểm cho vài hộ gieo trồng giống cây mới, nếu thành công thì nhân rộng ra nhiều hộ. Đây là trường hợp trực tiếp phổ biến kiến thức, kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc... các loại giống cây mới do chính quyền địa phương, doanh nghiệp cung ứng giống hoặc ký kết hợp đồng gieo trồng.

Nhìn chung, theo ý kiến của người Lô Lô có một số giống cây mới do Nhà nước cung cấp tuy cho năng suất cao nhưng đòi hỏi kỹ thuật trồng, chăm sóc cầu kỳ, nhất là phải có vốn để cải tạo đất, bón phân hóa học, phun thuốc trừ sâu... vì thế sẽ tốn kém về mặt thời gian, công sức và kinh phí bỏ ra. Trong khi, sản phẩm của đa số giống mới hiện nay ăn không ngon, giá bán trên thị trường không ổn định, thường bán với giá thấp hơn so với giá sản phẩm của loại giống cây của đồng bào, nên hiện nay nhiều gia đình Lô Lô vẫn gieo trồng giống cũ kết hợp trồng thêm giống lúa mới và ngô lai. Sau khi thu hoạch, sản phẩm nào bán được giá cao thì đem bán, loại bán được giá thấp thường để dành cho gia đình ăn và phục vụ chăn nuôi.

Ngoài tiếp thu, áp dụng tiến bộ khoa học và lối canh tác các loại giống cây mới dựa vào những lớp tập huấn ngắn hạn hoặc do cán bộ khuyến nông đến hướng dẫn, cá nhân và đại diện các gia đình Lô Lô ở đây cũng tự học hỏi thông qua các kênh truyền thông của Nhà nước như tivi, đài, báo địa phương và trung ương, thậm chí qua mạng internet... Hiện nay, do nhiều người dân có

điều kiện sử dụng điện thoại thông minh và thông qua đó cũng thu hút được nhiều cá nhân, đại diện gia đình tìm đọc những thông tin liên quan tới kỹ thuật trồng trọt, chăm sóc nhiều loại cây thuộc giống mới hoặc giống cũ để cho phù hợp hơn với đặc điểm đất canh tác đang ngày càng bạc màu.

Vấn đề nữa là đã từ lâu, một số gia đình Lô Lô có tập quán thông qua họ hàng và bạn bè ở nơi khác, nhất là ở bên Trung Quốc để mua hoặc xin giống cây mới về trồng theo canh tác truyền thống. Các giống cây này tuy được trồng và sinh trưởng ở bên Trung Quốc nhưng không quá xa so với địa bàn sinh sống của người Lô Lô. Thậm chí, cách gieo trồng, kỹ thuật chăm sóc ở bên Trung Quốc cũng khá tương đồng với lối canh tác cổ truyền của người Lô Lô, nên khi người Lô Lô lấy các giống này về trồng vẫn cho thu hoạch đáng kể. Chẳng hạn, từ những năm trước, một vài gia đình Lô Lô lấy giống lúa 838 với giá rẻ từ bạn bè ở bên Trung Quốc mang về cấy và cho thu hoạch cao hơn giống cũ của đồng bào. Về sau, nhiều gia đình nơi đây sang Trung Quốc mua giống lúa này, trong khi ở phía Việt Nam vào thời điểm đó cũng có hạt giống bán ở chợ nhưng do giá cao nên người Lô Lô không mua. Riêng ngô, từ năm 2010, ngoài việc gieo trồng giống cũ, nhiều gia đình trồng thêm giống ngô 989 mua từ người dân bên Trung Quốc. Nhà nước lúc đó cũng cấp miễn phí giống ngô mới là 9698, nhưng khi người Lô Lô trồng thử thì cho năng suất thấp hơn, mà lại tốn phân bón và công chăm sóc. Trong khi, giống ngô 989 lấy ở bên Trung Quốc chỉ cần canh tác theo truyền thống cũng vẫn cho năng suất cao. Hiện nay, người Lô Lô ở xóm Ngâm Lôm nếu trồng giống ngô mới thì họ đều chọn loại 989.

Thực trạng trên cho thấy, mạng lưới xã hội thông qua bạn bè cũng có hiệu quả, không chỉ giúp tìm kiếm những giống cây mới phù hợp với đất đai và khí hậu địa phương, mà còn học hỏi được kinh nghiệm gieo trồng, chăm sóc các giống cây đó. Đặc biệt, các giống cây ấy lại phù hợp với tập quán, kiến thức gieo trồng của người Lô Lô cũng như nhiều dân tộc ở nơi biên giới.

2.2. Mạng lưới xã hội trong hoạt động chăn nuôi

Mạng lưới xã hội về con giống.

Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm của người Lô Lô ở tỉnh Cao Bằng thường phụ thuộc vào nhu cầu của mỗi gia đình. Tập quán chăn nuôi của người Lô Lô là vừa chăm sóc vừa thả rông, nên đàn gia súc, gia cầm trong nhà cứ thế mà phát triển. Chỉ khi con vật nuôi bị dịch chết hết thì đại diện gia đình mới đi xin ở người thân hoặc mua ở chợ mang về nuôi, thậm chí sang Trung Quốc để tìm kiếm ở những người bạn. Do vậy, mạng lưới xã hội về con giống của đồng bào trước đây chủ yếu dựa vào sự tương trợ, kết hợp mua bán trên thị trường. Gần đây, khi thị trường phát triển, mạng lưới xã hội về con giống ở vùng Lô Lô khá đa dạng, do quan hệ dân tộc được mở rộng không chỉ với các tộc người trong vùng mà còn xuyên biên giới.

Từ năm 1991, khi mở cửa biên giới Việt - Trung, sự gia tăng quan hệ xuyên biên giới trong mua bán, trao đổi giống cây trồng vật nuôi để phát triển những cây, con mang tính hàng hóa... đã dần dần làm thay đổi tư duy sinh kế tự túc, tạo ra nhu cầu thay đổi giống cây và vật nuôi. Song, giống

như việc tìm kiếm các giống cây mới, đến nay người Lô Lô ở Cao Bằng vẫn ưa chuộng các giống vật nuôi vừa thích ứng với điều kiện tự nhiên, khí hậu nơi đây, vừa dễ nuôi theo tập quán, tức không phải mua cám, mua thuốc phòng dịch. Do đó, mạng lưới xã hội thông qua chính sách nhà nước, các dự án để cấp cho người dân những con giống như bò lai, gà lai, lợn nái... đều chưa có hiệu quả. Con vật sau một thời gian được đồng bào chăn nuôi đều chậm lớn và phần nhiều bị chết. Vì thế, mới có chính sách cho đồng bào vay vốn để mua bò giống về nuôi. Song, việc hoàn vốn cho ngân hàng lại khá ngấn so với thời gian sinh trưởng của con vật nuôi để đẻ con hoặc bán có lãi, nên vốn vay này mang lại hiệu quả chưa cao. Một số gia đình khi nhận được vốn vay từ ngân hàng đều vừa mua con vật nuôi, vừa đầu tư mở rộng sản xuất những cây trồng ngắn ngày nhưng có giá trị hàng hóa để bán lấy tiền trả lãi ngân hàng.

Mạng lưới xã hội về vốn đầu tư và tiếp thu kinh nghiệm, kỹ thuật chăn nuôi.

Khảo sát tại một số bản kết hợp phân tích tư liệu phỏng vấn vào tháng 10/2019 cho thấy, vấn đề đầu tư vốn để thành lập trang trại chăn nuôi tại địa bàn người Lô Lô ở Cao Bằng hiện nay vẫn chưa được chú trọng. Bản thân người chăn nuôi cũng chưa có nhu cầu mở rộng chăn nuôi dưới dạng trang trại. Vài năm gần đây, với sự phát triển và tác động đa dạng các mạng xã hội, đang mở ra nhiều cơ hội để người Lô Lô vay vốn làm ăn, đi làm thuê kiếm tiền tích lũy vốn để mở rộng chăn nuôi. Song, do điều kiện vùng cao khó khăn về hạ tầng, chưa thoát khỏi sự ảnh hưởng sâu nặng của tập quán chăn nuôi "nửa chăm sóc nửa thả rông", vì thế cá nhân

và đại diện gia đình Lô Lô nơi đây vẫn chưa thể tận dụng được những cơ hội này.

Người Lô Lô cho rằng, do giá cả thức ăn chăn nuôi tăng cao, con giống như lợn lai, gà lai vừa khó nuôi, vừa tốn tiền mua thức ăn và thuốc phòng dịch. Khi con vật được nuôi lớn, mang đi bán có giá thấp, bởi người dân và thương lái nơi đây đều thích mua thịt hoặc con vật giống bản địa. Hơn nữa, thịt lợn lai, gà lai thì không ngon, đem cúng sợ các cụ chê... Theo họ, muốn nuôi lợn lai hay gà lai để bán có lãi thì phải nuôi nhiều và làm trang trại như người Kinh hoặc Tày ở một số nơi. Song, chăn nuôi như vậy, người Lô Lô chưa có vốn, còn thiếu kinh nghiệm. Hơn nữa, dịch bệnh ở lợn và gà thường xuyên xảy ra tại địa phương, mùa đông trời rét kéo dài... nếu nuôi nhiều thành đàn mà không biết phòng dịch thì dễ mất công và vốn.

Như vậy, mạng lưới xã hội trong tiếp thu kỹ thuật phát triển chăn nuôi các con giống mới vẫn chưa tác động mạnh tới các gia đình Lô Lô ở Cao Bằng. Vì thế, một số dự án theo chính sách nhà nước cung cấp lợn nái, gà lai... để người dân nuôi nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập, nhưng không đạt kết quả như mong đợi. Vấn đề không phải người dân không muốn tiếp nhận các kiến thức về mở rộng chăn nuôi các con giống mới, mà chủ yếu do các con giống đó chưa phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu ở đây cũng như tập quán chăn nuôi của đồng bào. Chỉ duy nhất việc cho vay vốn ngân hàng qua mạng lưới liên kết ngân hàng - lãnh đạo xã - lãnh đạo thôn bản - hộ gia đình để đồng bào tự mua con giống về nuôi là khá phù hợp, đáp ứng nguyện vọng một số gia đình có điều kiện về nhân lực, nguồn thức ăn, đất chăn nuôi...

Nguyên nhân do mạng lưới xã hội và các mối quan hệ tộc người trong chăn nuôi cổ truyền vẫn còn phát huy tác dụng. Đặc biệt, các hình thức chăn nuôi của người Lô Lô hiện nay vẫn nhỏ lẻ, phụ thuộc vào trồng trọt và năng lực mỗi gia đình, chưa phát triển thành các trang trại hoặc hợp tác xã chăn nuôi tách ra khỏi các hoạt động trồng trọt, thậm chí sự liên kết giữa một vài hộ gia đình cùng chăn nuôi cũng chưa xuất hiện. Do đó, mạng lưới xã hội liên quan tới áp dụng các kỹ thuật, phương thức chăn nuôi những con giống mới mang tính dịch vụ, kinh doanh với số lượng hàng trăm con thì hiện tại chưa phù hợp với cách tiếp cận, nguồn nhân lực, năng lực về vốn, cách thức tổ chức cũng như điều kiện cơ sở hạ tầng, sự liên kết các khâu trong chăn nuôi giữa các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng người Lô Lô nơi đây.

3. Mạng lưới xã hội trong mua bán sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi

3.1. Chợ là mạng lưới truyền thống và phổ biến trong mua bán sản phẩm

Đến nay, chợ vẫn là mạng lưới chủ yếu đã tồn tại lâu đời có liên quan trực tiếp tới việc cung ứng những sản phẩm mà mỗi gia đình Lô Lô chưa tự sản xuất. Mỗi cá nhân có những nhu cầu riêng về mua những đồ dùng của mình như quần áo hoặc giày dép... trong khi gia đình lại cần mua các đồ gia dụng, mắm muối, mỳ chính, nông cụ... Song, để đáp ứng những nhu cầu này, mỗi cá nhân và gia đình do làm nghề nông nên chủ yếu bán các nông sản, sản phẩm chăn nuôi và thủ công, lâm thổ sản tìm kiếm được từ trong rừng. Bán các sản phẩm đó

để có tiền mua những thứ mà gia đình không tự sản xuất ra cũng là nhu cầu thiết yếu, khiến người Lô Lô luôn tìm đến chợ. Trong khi, chợ ở miền núi cũng như nơi vùng cao biên giới tỉnh Cao Bằng, tuy vài ngày hoặc sau một tuần mới họp một phiên nhưng là mạng lưới rất quan trọng không chỉ để người dân mua bán hàng hóa, mà còn là không gian văn hóa - xã hội, nơi diễn ra các mối quan hệ dân tộc trong vùng và xuyên biên giới.

Về mặt truyền thống, chợ là mạng lưới để người dân các tộc người, trong đó có người Lô Lô tham gia trao đổi mua bán các loại sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi. Song, do chợ ở miền núi còn là nơi diễn ra vui chơi, tiếp biến các mối quan hệ tộc người... nên mọi người từ trẻ đến già trong các bản đều biết đến chợ ở địa phương và thích đi chợ, nhất là đến các phiên chợ giáp Tết Nguyên đán. Ngày nay, tuy có nhiều mạng lưới mới trong mua bán hàng hóa, kể cả mua bán qua mạng internet, nhưng chợ vẫn là nơi buôn bán sôi động với sự tham gia ngày càng đông người dân các tộc người, các tiểu thương, thương nhân... Trong bối cảnh cơ chế thị trường, tại các thị trấn thuộc tỉnh Cao Bằng tuy ngày nào cũng họp chợ, song vào ngày chợ phiên bao giờ cũng đông đúc người mua bán, đa dạng các loại hàng hóa, nhiều người dân các lứa tuổi của nhiều tộc người cùng đến chợ.

Thực tế điển hình tại xóm Cốc Sả dưới, xã Hồng Trị và xóm Ngâm Lôm, xã Cô Ba, chúng tôi nhận thấy, đến phiên chợ thị trấn Bảo Lạc, cá nhân và gia đình Lô Lô trong xóm đều rủ nhau vài người cùng đi chợ để trợ giúp trên đường đi chợ và trở về nhà. Những gia đình do bận việc, neo đơn không có người đi chợ nhưng rất cần đến những thứ thiết yếu như gói thuốc lào, bao thuốc

lá, bật lửa hay gói kẹo cho con nhỏ... thì gửi tiền nhờ người đi chợ mua hộ. Vì vậy, chợ không chỉ là nơi mua bán hàng hóa mà còn là yếu tố kết nối mọi người trong gia đình và những người hàng xóm với nhau. Một số người Lô Lô ở xóm Ngâm Lôm, xã Cô Ba còn nói rằng, chợ là nơi giúp nhận biết được giá cả để gia đình ước lượng bán những nông sản và sản phẩm chăn nuôi tại nhà không bị lỗ khi có thương lái đến tìm mua tận bản.

3.2. Một số mạng lưới mới trong mua bán sản phẩm

Gần đây, với sự phát triển cơ chế thị trường đã xuất hiện một số mạng lưới mới trong mua bán các sản phẩm nông sản, chăn nuôi, nghề thủ công... Trong đó, phổ biến là mạng lưới tư thương người Kinh, người Tày ở ngoài thị trấn đến tận bản trao đổi buôn bán. Trước tiên, họ đến bản để bán các mặt hàng phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân như thịt gia súc gia cầm, nhất là thịt lợn, rau cỏ, mắm muối, gia vị... Từ sáng sớm đã có những chuyến hàng của bộ phận bán hàng rong đến tận bản rao bán các đồ ăn sáng, chủ yếu là xôi, bánh trái nhiều loại như bánh cuốn, bánh nếp, bánh giò... Vào mùa nóng, hàng ngày đều có người từ thị trấn đến khắp các nhà trong bản rao bán kem, nước giải khát... Một số tư thương này còn kết hợp thu mua các sản phẩm nông lâm thổ sản của người dân trong bản mang ra thị trấn bán lại cho các chủ buôn, số khác thì thu mua đồng nát, sắt vụn... Cũng người bán hàng rong kết hợp trao đổi đồ đồng nát bằng những que kem, bánh trái. Vì vậy, đồng bào Lô Lô có gì muốn bán thì gom lại để bán cho bộ phận bán hàng rong có nhu cầu thu mua.

Bên cạnh đó, hầu hết các gia đình, nhất là người Kinh có điều kiện mở dịch vụ bán những hàng khô ở trong bản người Lô Lô đều có nhu cầu thu mua các mặt hàng nông lâm thổ sản và cây dược liệu của người dân để bán lại cho các chủ buôn ở hai bên biên giới Việt - Trung [2, tr.11]. Nếu trong bản chưa có dịch vụ thu mua thì phần lớn chủ buôn ở ngoài thị trấn đều có nhu cầu vào tận bản để mua thông qua trao đổi bằng điện thoại nếu gia đình cần bán những sản phẩm với số lượng lớn như trâu, bò, sắn cao sản... Theo đó, chủ buôn và đại diện gia đình tự thỏa thuận giá cả ở thời điểm diễn ra cuộc mua bán. Tuy vậy, chủ buôn sẽ giảm trừ đi công vận chuyển nếu trực tiếp vào tận bản lấy hàng, nên giá bán sẽ thấp hơn so với giá mà gia đình tự mang hàng ra tận quày để bán. Do có sự tương trợ bằng cách đổi công, nên người Lô Lô thường giúp nhau vận chuyển hàng, nhất sắn cao sản ra tận quày thu mua nông sản ở thị trấn hoặc trong xã mỗi khi đến vụ mùa thu hoạch.

Gần đây, khi giao thông phát triển, còn có trường hợp dựa vào bạn bè, người quen biết... để quảng bá, giới thiệu những mặt hàng đặc sản trong bản, nhất là những nơi phát triển du lịch như người Lô Lô ở xóm Khuổi Khon, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc. Qua đó, cá nhân hoặc đại diện gia đình trực tiếp thông qua bưu điện để vận chuyển một số hàng được đóng gói nhỏ gọn như thuốc nam chữa bệnh dạng chế biến khô, chè đặc sản..., hay là gửi chuyển qua xe khách các loại hoa quả, khoai môn, thịt lợn giống bản địa cho khách hàng là người quen ở dưới xuôi khi có nhu cầu. Khách hàng có thể đặt tiền trước khi đến du lịch hoặc thanh toán qua ngân hàng khi nhận được hàng,

thậm chí gửi tiền qua tài xế lái xe khách... Qua kết quả nghiên cứu điền dã vào tháng 10/2019 cho thấy, người dân ở một số xóm Lô Lô tại các xã Hồng Trị, Kim Cúc, Cô Ba thuộc huyện Bảo Lạc còn sử dụng dịch vụ buôn bán hàng nông sản thông qua xe khách từ thị trấn Bảo Lạc đi thành phố Cao Bằng và một số tỉnh miền xuôi.

4. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu điền dã vào tháng 10/2019 có thể thấy, dưới tác động của công cuộc đổi mới, đặc biệt là chính sách dân tộc của Nhà nước cùng với xu hướng giao lưu và hội nhập, người Lô Lô tỉnh Cao Bằng đã có những chuyển biến trong việc tiếp cận và sử dụng hệ thống các mạng xã hội từ truyền thống đến hiện đại cho việc phát triển trồng trọt và chăn nuôi. Bên cạnh duy trì và tận dụng những mạng lưới truyền thống như đổi công, cho vay không lấy lãi, thông tin cho nhau những loại cây trồng vật nuôi mới... đồng bào Lô Lô đang ngày càng quan tâm đến các mạng xã hội hiện đại. Đó là việc cá nhân hoặc đại diện gia đình tăng cường tiếp cận các thông tin thông qua những phương tiện tiên tiến như tivi, đài, báo, điện thoại, internet... Từ việc thực thi chính sách dân tộc của Nhà nước, người Lô Lô nơi đây đã chú trọng vay vốn ngân hàng thông qua tổ vay vốn để đầu tư sản xuất, phát triển một số dịch vụ, nhất là hoạt động du lịch để tiêu thụ sản phẩm. Nhờ vậy, nhiều hộ gia đình Lô Lô ở Cao Bằng có thu nhập ngày càng cao từ trồng trọt và chăn nuôi, góp phần ổn định đời sống kinh tế, từng bước vươn lên hòa nhập nhiều mặt với các tộc người láng giềng. Song, về lâu dài cũng như trước mắt vẫn còn không ít vấn đề

đặt ra và đây cũng là những hạn chế của mạng xã hội đối với người Lô Lô ở đây, trong đó có một số vấn đề với gợi ý giải pháp như sau:

Một là, vấn đề mạng lưới xã hội liên quan tới sự phát triển những loại cây có giá trị hàng hóa. Khi vài gia đình trong bản hay các bản kê cận trồng một loại cây mới đem bán cho thu nhập đáng kể thì các gia đình khác đua nhau thành phong trào toàn bản, thậm chí cả vùng dẫn đến tình trạng cung lớn hơn cầu nên bị ép giá. Đó là các trường hợp người Lô Lô phát triển ồ ạt cây ngô lai trước đây và hiện nay là cây sắn cao sản, chuối. Để giải quyết vấn đề này, cần có sự quy hoạch sản xuất của các cấp các ngành, nhất là nâng cao trình độ quản lý và kiến thức phát triển kinh tế thị trường của đội ngũ cán bộ thôn bản.

Hai là, vấn đề bảo tồn các loại giống truyền thống có giá trị kinh tế nhưng gieo trồng thì cho thu hoạch thấp. Nay kinh tế thị trường đã tác động đến mạng lưới xã hội trong việc duy trì các loại giống cổ truyền như lúa nương thơm ngon và dẻo; ngô nếp trắng, nếp hoa; các loại dưa, đậu trồng xen với lúa, ngô... Rõ ràng là sự biến đổi trồng trọt hiện nay ở vùng người Lô Lô cần gắn với giải pháp bảo tồn các giống cây truyền thống có giá trị kinh tế cao, cụ thể là khuyến khích và hỗ trợ liên kết hộ gia đình để sản xuất các giống đó.

Ba là, vấn đề giá cả sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi rất thấp so với thu nhập từ một số ngành nghề phi nông nghiệp. Vì vậy, thông qua hệ thống mạng lưới xã hội hiện đại, phần lớn lớp trẻ người Lô Lô nơi đây đều đi làm thuê ở bên Trung Quốc, số ít ra các thành phố tìm kiếm việc làm. Như vậy, cần đặc biệt chú ý đào tạo nghề và mở rộng ngành nghề, ưu tiên những ngành nghề

phi nông nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương.

Bốn là, vấn đề thiếu vốn và thiếu kiến thức, dẫn đến canh tác, chăn nuôi chưa bền vững. Trong khi, trồng trọt và chăn nuôi ở vùng đồng bào mang tính tự phát, do mỗi gia đình tự quyết định thông qua tác động của các loại mạng xã hội, chưa có sự liên kết giữa các hộ để có người đứng đầu với trách nhiệm chỉ đạo, lo các khâu đầu vào, đầu ra... Vì thế, trồng trọt và chăn nuôi của người Lô Lô hiện nay vẫn trong tình trạng bấp bênh, phụ thuộc vào thời tiết, nếu giá cả xuống thấp thì bà con không kịp ứng phó, ồ ạt chuyển sang giống cây con khác... Đây cũng là nguyên nhân khiến lớp trẻ người Lô Lô có nhu cầu đi làm thuê ở bên Trung Quốc. Để giải quyết vấn đề này, rất cần sự hợp tác giữa các nhà khoa học, nhà quản lý và doanh nghiệp; đặc biệt, cần có chính sách tăng cường mạng lưới xã hội về phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở địa phương, nhất là du lịch bởi vùng người Lô Lô tỉnh Cao Bằng nằm giữa hai công viên lớn là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn và Công viên địa chất Non nước Cao Bằng.

5. Kết luận

Lô Lô là tộc người có dân số dưới 10 nghìn người ở Việt Nam. Với diện tích đất canh tác sản xuất ít nên người dân phân bố cư trú phân tán chủ yếu ở hai huyện biên giới là Bảo Lạc và Bảo Lâm. Cũng do có ít đất sản xuất, nên từ khi mở cửa biên giới Việt - Trung năm 1991, nhất là gần đây, người Lô Lô nơi đây luôn tăng cường tận dụng các mạng lưới hội từ truyền thống đến hiện đại

để phát triển trồng trọt và chăn nuôi theo xu hướng đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, kết hợp mở rộng nhiều hình thức trao đổi mua bán. Nhờ đó, mạng lưới xã hội trở thành một nguồn lực thiết yếu, tạo điều kiện từng bước phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp, đặc biệt là hoạt động du lịch và lao động làm thuê để có thêm thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững.

Chú thích

² Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ: “*Mạng lưới xã hội của tộc người Lô Lô và Nùng ở tỉnh Cao Bằng trong phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội vùng biên giới*” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Lê Minh Anh và TS. Lê Thị Mùi làm chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng (2019), *Báo cáo Tình hình thực hiện Quyết định số 2086/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Phục vụ đoàn kiểm tra liên Bộ: UBĐT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư)*, Cao Bằng tháng 7/2019.
- [2] Khổng Diễn, Trần Bình (Chủ biên) (2007), *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
- [3] Phạm Đăng Hiến (2010), “Người Lô Lô trong môi trường kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt Trung”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 1.
- [4] Tỉnh ủy Cao Bằng (2019), *Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban chấp hành Trung ương khóa IX “Về công tác dân tộc”*, Cao Bằng tháng 4/2019.
- [5] Hoàng Bá Thịnh (2008), “Về vốn xã hội và mạng lưới xã hội”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 5.

